

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 15/4/2024

“V/v tranh chấp ly hôn, yêu cầu nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG-TỈNH KIÊN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Phạm Hoàng Kiệt**.

2- Bà **Lý Diệu Hiền**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Thị Thúy Kiều**. Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang:
Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Ngày 15 tháng 4 năm 2024, tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 223/2023/TLST-HNGĐ, ngày 06 tháng 12 năm 2023 về việc “*Tranh chấp ly hôn, yêu cầu nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Ánh T**, sinh năm 1976. (*Có mặt*)

- **Bị đơn:** Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1971. (*Vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: Ấp BD, xã TY, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 3 năm 2023, các lời khai khác trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Ánh T trình bày và yêu cầu như sau:

- Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn M quen biết nhau và tự nguyện chung sống với nhau, gia đình không có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương

nhưng vợ chồng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã TY, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang vào ngày 08/5/2018. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng về sau xảy ra nhiều mâu thuẫn, do vợ chồng bất quan điểm với nhau trong cuộc sống nên thường xuyên cự cãi làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, bà không còn tình cảm với ông M nữa. Vì vậy, bà yêu cầu xin được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

- Về con chung: Bà và ông M chung sống với nhau có 01 người con tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 03/01/2019, giới tính nữ. Hiện nay cháu H đang sinh sống cùng với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu ông M phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà trình bày là đề tự thỏa thuận với ông M, không yêu cầu xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: Bà và ông M không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông Nguyễn Văn M biết về yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ánh T đối với ông M nhưng ông M vắng mặt và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của bà Tuyết

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Ánh T giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

Ông Nguyễn Văn M vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con, bị đơn có nơi cư trú trên địa giới hành chính huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn anh Nguyễn Văn M được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa xét xử đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông M.

[3] Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Bà T và ông M xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện của hai bên, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TY, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào năm 2018 nên quan hệ hôn nhân của bà T và ông M là hợp pháp.

Nguyên nhân bà T yêu cầu ly hôn với ông M theo bà T trình bày là do mâu thuẫn gia đình, vợ chồng bất quan điểm với nhau trong cuộc sống nên thường xuyên cự cãi làm cho cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, bà không còn tình cảm với ông M nữa nên hai người đã ly thân với nhau khoảng 5 năm nay, hai người không còn quan tâm nhau.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thông báo cho ông M đến tham gia hòa giải tại Tòa án nhưng ông M đều vắng mặt, đồng thời cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu ly hôn của ông M nhằm thể hiện mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Mặc dù hiện tại ông M vẫn còn đang sinh sống tại địa phương.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử nghĩ nên cần chấp nhận yêu cầu của Bà T để xử cho bà T được ly hôn với ông M là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về con chung: Bà T và ông M có 01 người con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 03/01/2019, giới tính nữ. Hiện nay cháu H đang sinh sống cùng với bà Tuyết. Khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Gia H, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Ông M vắng mặt, không có ý kiến về phần con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy hiện nay cháu H đang được bà T nuôi dưỡng, được chăm sóc và phát triển như những đứa trẻ cùng trang lứa. Hiện nay, cháu H còn nhỏ nên có sự chăm sóc của mẹ. Do đó Hội đồng xét xử nhận thấy giao cháu H cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con.

Ông M không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản nhưng không được lợi dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà T trình bày là đề tự thỏa thuận giải quyết với ông M, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến trình bày này của bà T và không đề cập xem xét.

- Về nợ chung: Bà T trình bày là trong thời gian chung sống bà và ông M không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến trình bày này của bà T và không đề cập xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Nguyễn Ánh T phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003031 ngày 05/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Các điều 8, 9, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Ánh T được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Gia H, sinh ngày 03/01/2019, giới tính nữ cho bà Nguyễn Ánh T tiếp tục nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Văn M không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền ngăn cản nhưng không được lợi dụng quyền thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà T trình bày là đề tự thỏa thuận giải quyết với ông M, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến trình bày này của bà T và không đề cập xem xét.

Về nợ chung: Bà T trình bày là trong thời gian chung sống bà và ông M không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến trình bày này của bà T và không đề cập xem xét.

Trong trường hợp, sau khi ly hôn có phát sinh tranh chấp về quyền tài sản và nợ trong thời kỳ hôn nhân thì sẽ được xem xét giải quyết bằng một vụ kiện dân sự khác.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà Nguyễn Ánh T phải chịu án phí ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003031 ngày 05/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

5. Báo quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 15/4/2024), đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày, được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện U Minh Thượng;
- CCTHADS huyện U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- UBND xã TY
- Lưu HS, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Quốc Thịnh